TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Quyết định giám đốc thẩm
Số:06 /2021/HC-GĐT
Ngày 12/4/2021
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Lan;
Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;
- Ông Trần Văn Cò;
- Ông Trần Hồng Hà;
- Ông Phạm Quốc Hưng.

-Thư ký phiên tòa:Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 12/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai" giữa:

1. *Người khởi kiện*: Ông Trần Văn Bích S, sinh năm 1971;
Cư trú tạiẤp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Thế L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 324/GUQ-CT ngày 16/01/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần đầu tư quốc tế C.S.Q; Địa chỉ: 145 Đường tỉnh 822, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤÁN:

Thửa đất số 113 có diện tích 1.488m^2 và Thửa đất số 115 có diện tích 3.475m^2 cùng phần diện tích đất rỗng (SON) 9.283m^2 tại tờ bản đồ số 02, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An của ông Trần Văn Bích S có nguồn gốc do ông Trần Văn T (bố đẻ ông S) để lại; ông S canh tác trồng lúa từ trước năm 1975. Năm 2010, ông S khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp sai diện tích đất của Ông cho bà Trần Thị L1 và ông Huỳnh Văn P. Ngày 28/01/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án, đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S; theo đó, Tòa án hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1, ông P; buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An ban hành các quyết định thu hồi và bồi thường giá trị

quyền sử dụng đất tại các Thửa 113diện tích 1.488m^2 và Thửa 115 diện tích 3.475m^2 cùng diện tích đất rỗng (SON) 9.283m^2 cho ông S, để ông S bàn giao đất làm Dự án sân Golf và nhận bồi thường.

Ngày 24/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 9382/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất tại các Thửa 113, 115 và diện tích đất rỗng (SON) của ông Trần Văn Bích S, tổng diện tích đất thu hồi là 14.246m^2. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 9383/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất đối với ông Trần Văn Bích S giá trị quyền sử dụng đất 665.860.185đ; hỗ trợ 200.730.000đ (có Bảng chiết tính chi tiết kèm theo).

Ngày 23/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 8439/QĐ-UBND giải quyết bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Trần Văn Bích S số tiền 87.905.025đ (có Bảng chiết tính bổ sung kèm theo). Ông S đã nhận tiền bồi thường, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm. Ông S nhất trí về phần thu hồi đất và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, nhưng Ông không đồng ý phần hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo cách tính của Ủy ban nhân dân huyện Đ tại Bảng chiết tính kèm theo Quyết định số 9383/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 và Quyết định số 8439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 (Diện tích x đơn giá x 0,4 lần) vì mức hỗ trợ này quá thấp so với bà Phạm Thị T1 có đất bị thu hồi gần với đất của Ông, diện tích bị thu hồi ít hơn mà số tiền bồi thường lớn hơn (bà T1 được hỗ trợ 02 lần, còn ông chỉ được hỗ trợ 0,4 lần đơn giá đất nông nghiệp).

Ngày 07/11/2016, ông S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đề nghị hủy Quyết định số 9383/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ và Công ty cổ phần đầu tư quốc tế C.S.Q (sau đây viết tắt là Công ty C.S.Q) phải nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm cho Ông từ 0,4 lên 02 lần đơn giá, diện tích đất nông nghiệp cùng loại, cụ thể là: (4.963m^2 x 45.000đ x 2 lần = 446.670đ + 9.283m^2 x 30.000đ x 2 lần = 556.980đ. Tổng cộng là 1.003.650.000đ), khấu trừ đi số tiền Ông đã nhận hỗ trợ trước đó là 200.730.000đ, số tiền còn lại là 802.920.000đ.

Ông S cho rằng, đất của ông do Uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp sai cho ông Huỳnh Văn P nên xảy ra tranh chấp, 15 năm mới có bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu Ủy ban nhân dân huyện Đ không cấp sai thì ông đã có đất để bàn giao và được bồi thường, hỗ trợ ngay từ khi Dự án sân golf mới được triển khai. Thực tế, diện tích đất này đã được kê biên năm 2009, khi đó ông phát hiện ra đất bị lấn chiếm nên mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết; năm 2015, bản án của Tòa án mới có hiệu lực pháp luật; năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện Đ mới thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông. Như vậy, việc chậm ông phải áp dụng Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ để hỗ trợ với mức 02 lần giá đất nông nghiệp như hộ của bà T1 mới phù hợp.

Quan điểm của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An: Việc ông S so sánh mức hỗ trợ như của bà T1 là không phù hợp, vì mặc dù cả 02 phần đất của ông S và bà T1 đều nằm trong Dự án sân golf; 02 phần đất này đều có tranh chấp được giải quyết bằng bản án của Tòa án. Bản án của bà T1 có hiệu lực năm 2013 nên bà T1 được hỗ trợ với mức 02 lần đơn giá đất nông nghiệp theo

Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, còn Bản án của ông S có hiệu lực năm 2015, lúc này Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày13/8/2009 của Chính phủ không còn hiệu lực nên không áp dụng mà áp dụng Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để hỗ trợ cho ông S.

Ngoài ra, Bảng chiết tính đất của ông S là căn cứ vào Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất của ông S) về phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá để bồi thường về đất và mức hỗ trợ thực hiện Dự án sân golf của Công ty C.S.Q đầu tư trên địa bàn xã T, huyện Đ. Theo Quyết định này thì mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được tính bằng 0,4 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Còn Bảng chiết tính diện tích đất để hỗ trợ cho bà T1 là căn cứ vào Quyết định số 3454/2015/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, hỗ trợ cho bà T1 02 lần đơn giá đất nông ngiệp, vì vậy số tiền bà T1 được bồi thường, hỗ trợ lớn hơn của ông S. Việc ông S đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ nâng mức hỗ trợ đơn giá đất lên 02 lần như của bà T1 là không có căn cứ xem xét.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty C.S.Q: Thống nhất với nội dung trình bày của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 14/4/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

"Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Bích S về việc yêu cầu nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm lên gấp 02 lần đơn giá diện tích đất bị thu hồi".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/4/2017, ông S có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2019/HC-PT ngày 16/4/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

"1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Trần văn Bích S, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Bích S.

Hủy Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An".

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 37/2019/TB-TA ngày 18/6/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã sửa chữa, bổ sung Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2019/HC-PT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

"...Tại dòng thứ 26 tính từ trên xuống, trang 6 của phần quyết định đã ghi:

Hủy Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

……

Hủy Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An".

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 11/3/2020, Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An có đơn đề nghị xem xét lại Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2019/HC-PT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/2021/KN-HCngày 05/02/2021,Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2019/HC-PT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định số 9383/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất đối với hộ ông Trần Văn Bích S căn cứ vào Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *"Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt".* Như vậy, mặc dù Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi đất của ông S vào năm 2016 (sau khi Bản án hành chính phúc thẩm số 09/2015/HCPT ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai giữa ông S với Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật), nhưng việc thu hồi đất này dựa trên phương án đã được phê duyệt Dự án sân Golf của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An năm 2008-2009. Diện tích đất của ông S được kê biên vào năm 2009, có Quyết định thu hồi, bồi thường và hỗ trợ năm 2010 nhưng đứng tên ông Huỳnh Văn P (do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp sai đất của ông S cho ông P) nên ông S phải đợi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mới có đất bàn giao và nhận bồi thường; lỗi này không phải do ông S mà do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An. Vì vậy, trường hợp của ông S phải được giải quyết bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt năm 2009, tức là theo quy định của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2019 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tại điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2019 của Chính phủ quy định:

"a) Hỗ trợ bằng tiền từ 1,5 đến 5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt qúa hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương..."

Căn cứ quy định nêu trên thì tối thiểu hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp.

[2] Uỷ ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An căn cứ vào Quyết định số 3454/QĐUBND ngày 23/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt đơn giá để bồi thường về đất và mức hỗ trợ thực hiện Dự án sân golf, được ban hành để tính toán hỗ trợ cho bà Phạm Thị T1 (là người cùng địa phương với ông S, có cùng loại đất bị thu hồi làm Dự án như ông S) mức 02 lần đơn giá đất nông nghiệp. Bản án hành chính phúc thẩm số 09/2015/HCPT ngày 28/01/2015 về vụ kiện của ông S có hiệu lực vào tháng 01 năm 2015 (trước thời điểm thu hồi đất của bà T1 và trước thời điểm ban hành Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An) nhưng Ủy ban nhân dân huyện Đ chỉ tính toán khoản hỗ trợ cho ông S với mức 0,4 lần đơn giá đất nông nghiệp là không hợp lý.

[3] Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cho rằng trường hợp của ông S là căn cứ vào Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An để hỗ trợ mức 0,4 lần đơn giá đất nông nghiệp, còn trường hợp của bà T1 là căn cứ vào Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An để hỗ trợ 02 lần đơn giá đất nông nghiệp là không đúng, vì cả 02 Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 và Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An đều căn cứ vào Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nhưng 02 quyết định nêu trên quy định mức hỗ trợ khác nhau.

[4] Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, Công ty C.S.Q nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ông S từ 0,4 lần lên 02 lần đơn giá đất nông nghiệp là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông S không khởi kiện Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An mà chỉ khởi kiện Quyết định số 9383/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An và Công ty C.S.Q phải nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho ông từ mức 0,4 lần lên 02 lần đơn giá đất nông nghiệp. Do đó, Quyết định số 2871/QĐ-UBND không được xác định là đối tượng khởi kiện trong vụ án này và chưa được xem xét tại Tòa án cấp sơ thẩm. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông S bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Long An vào tham gia tố tụng với tư cách người bị kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Mặc dù, Tòa án cấp phúc thẩm không đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Long An tham gia tố tụng nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại xử hủy Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An là không đúng.

[5] Mặt khác, Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An bao gồm nhiều nội dung như: Quy định đơn giá đất đối với từng loại đất, hệ số điều chỉnh và mức hỗ trợ 0,4 lần đơn giá đất nông nghiệp. Ông S chỉ khởi kiện phần quy định về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 0,4 lần, chứ không khởi kiện quy định về đơn giá đất đối với từng loại đất,

cũng như hệ số điều chỉnh, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An là không đúng.

[6] Tòa án cấp phúc thẩm không tuyên hủy Quyết định số 9383/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An mà tuyên hủy toàn bộ Quyết định 2871/QĐ-UBND ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An là không đúng và vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266;Điều 271;khoản 3 Điều 272 và Điều 274 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/2021/KN-HC ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2019/HC-PT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố HồChí Minh;

2. Hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2019/HC-PT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (kèm HSVA);
- TAND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An (để biết);
- VKSND tỉnh Long An (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GĐKT III (2), VP (TANDTC), Thư ký Thẩm phán, HSVA, THS.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Lan